

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN SANG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

Trần Anh Tài^(*)

Ngày nay, trên thế giới có vô số những mô hình vận hành kinh tế khác nhau với những mức độ thành công cũng khác nhau. Song không có mô hình kinh tế nào lại không có sự can thiệp tác động của Nhà nước. Một Nhà nước mạnh và thông minh là một trong những nhân tố quyết định sự thành công của một mô hình phát triển kinh tế.

Từ một nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, quá trình hình thành và phát triển của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam gắn với vai trò điều tiết của Nhà nước sẽ có nhiều điểm khác với tiến trình kinh tế thị trường nói chung.

1. Tính đặc thù trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam và vai trò của Nhà nước

1. Bối cảnh chuyển sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam

** Bối cảnh trong nước*

Trong một thời gian dài, vận hành theo cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, nền

kinh tế Việt Nam có những đặc trưng chính sau đây:

- Trình độ phát triển thấp; phân công lao động chưa phát triển, kỹ thuật công nghệ lạc hậu; nền kinh tế lệ thuộc nhiều vào nông nghiệp với lối canh tác nông dân cổ truyền, độc canh lúa, cơ cấu công nghiệp mỏng, yếu và mất cân đối; mức sống nhân dân thấp, tỷ lệ thất nghiệp cao. Điều đó không những gây khó khăn cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá mà còn là nơi sản sinh và nuôi dưỡng những yếu tố bất lợi cho sự hình thành và phát triển kinh tế thị trường.

- Quan hệ sản xuất được xác lập và duy trì dựa vào vai trò thống trị của chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới 2 hình thức: toàn dân và tập thể. Sở hữu tư nhân không được thừa nhận và là đối tượng của cải tạo, xoá bỏ.

- Sản xuất và trao đổi được duy trì theo quan hệ hiện vật là chính. Quan hệ hàng hoá - tiền tệ cấu thành một hệ thống đối lập, không được thừa nhận trên thực tế và bị kiểm chế phát triển tối đa. Các quan hệ thị trường hầu như chưa được xác lập hoặc tồn tại một cách hình thức, méo mó.

^(*) TS., Khoa Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Nền kinh tế là một hệ thống khép kín, tự sinh tồn, và mất cân đối nghiêm trọng. Cơ chế vận hành kinh tế chính thống là cơ chế chỉ huy. Trong cơ chế này: Nhà nước trực tiếp điều khiển các hoạt động kinh tế, thông qua hệ thống các kế hoạch sản xuất và phân phối hàng hoá, thông qua hệ thống giá cả, tỷ giá, lãi suất được quy định một cách chủ quan, nghiêm ngặt.

- Cơ cấu sản xuất có tính độc quyền, Nhà nước tập trung hoạt động vào hệ thống các doanh nghiệp Nhà nước được thiết lập một cách tràn lan, quy mô lớn, không cạnh tranh. Mỗi quan hệ trong sản xuất chủ yếu theo chiều thẳng đứng thông qua cơ chế cấp phát giao nộp, khiến cho các quan hệ ngang trở nên rất khó khăn.

- Nền tài chính yếu ớt, không ổn định, dựa trên cơ sở của một nền kinh tế kém phát triển, chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh. Lạm phát kéo dài, chưa có tích lũy nội bộ, lại được quản lý theo cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, duy ý chí không phù hợp với quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường.

** Hoàn cảnh quốc tế*

Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường trong bối cảnh quốc tế và cục diện thế giới đã biến đổi dữ dội. Có thể kể ra một số trong rất nhiều các biến đổi dưới đây:

- Xu hướng quốc tế hoá, hội nhập kinh tế quốc tế và quá trình hình thành hệ thống thị trường thế giới hữu cơ đang làm thay đổi rất nhiều tính chất của các mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia, tạo khả năng cho các nước nghèo tham gia dễ hơn

và bình đẳng hơn vào các quan hệ trao đổi hợp tác quốc tế.

- Xu hướng khu vực hoá sự phát triển đi liền với khả năng tăng cường bảo vệ mậu dịch. Xu hướng này đối lập với hướng thứ nhất và cũng là bản chất vốn của sự phát triển thị trường. Song, trong điều kiện hiện tại, nó phát sinh từ nguyên nhân đặc thù mà nguyên nhân trực tiếp là sự phát triển mạnh mẽ của các quốc gia trẻ mới công nghiệp hoá.

- Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, tạo ra một khoảng trống đáng kể trong tiến trình phát triển của Việt Nam. Ở đây, vấn đề có tính hai mặt đồng thời với việc thoát ra khỏi hệ thống khép kín và bao cấp quốc tế, Việt Nam cơ hội gia nhập vào hệ thống kinh tế thế giới rộng hơn, có phương thức vận hành hiệu quả hơn, thì Việt Nam cũng mất một chỗ dựa kinh tế vững chắc, đáng cậy, có nhiều cơ hội thị trường để tham gia vào thị trường quốc tế.

2. Tình quy định của bối cảnh đến vai trò của Nhà nước trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường Việt Nam

Trong bối cảnh đặc thù nói trên, xem xét vai trò của Nhà nước trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường Việt Nam, theo chúng tôi cần chú ý những điểm sau đây:

- Ở Việt Nam, tồn tại một thực tế lịch sử là Nhà nước đã đóng vai trò quyết định tiến trình kinh tế trong nhiều thập kỷ qua. Cơ sở nền tảng của nó là tính phổ biến của chế độ công hữu và sự tương đồng giữa n

h tế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp về hiện vật của các quan hệ kinh tế với kinh tế mang nặng tính tự cấp-tự túc.

Trong tình huống xuất phát như vậy, sự chuyển đổi chỉ có thể được thực hiện nhanh, có hiệu quả với điều kiện là sự chuyển đổi phải bắt đầu từ phía Nhà nước, do Nhà nước khởi xướng và thực hiện.

- Việt Nam đang trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường cho nên vai trò của Nhà nước không chỉ giới hạn ở việc khắc phục, sửa chữa những khuyết tật của kinh tế thị trường, mà nhiệm vụ chính là ở chỗ thiết lập, tạo tiền đề cho sự hình thành bản thân các quan hệ kinh tế thị trường. Ở đây, quá trình hình thành các quan hệ kinh tế thị trường lại gắn liền với quá trình nhận thức lại, và do đó từng bước khắc phục, sửa chữa những khuyết tật, những thất bại trong sự tham gia của Nhà nước vào điều hành nền kinh tế trong những thập kỷ qua cho phù hợp với nhiệm vụ của giai đoạn mới.

- Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, dựa chủ yếu vào nông nghiệp. Phần lớn dân cư là ở nông thôn cho nên để phát huy vai trò nền tảng của nông nghiệp người nông dân thấy được lợi ích và qua đó huy động đại bộ phận dân chúng tham gia vào quá trình phát triển, đặc biệt là trong giai đoạn đầu thì vai trò của chính phủ là rất quan trọng. Mặt khác, làm thế nào để một nước nghèo vừa có thể đối phó được với tình hình nghèo đói, vừa đảm bảo phát triển kinh tế cũng là một thách thức lớn đối với chính phủ.

- Là một nước đi sau, tuy không thể đột phá ngay giai đoạn, song để tiến nhanh, tránh nguy cơ tụt hậu, đuổi kịp các nước đi trước, Việt Nam phải biết tận dụng lợi thế của nước đi sau, phát huy nội lực của nền kinh tế, tiếp thu một cách có hiệu quả những thành tựu, kinh nghiệm của các nước đi trước. Trong điều kiện đó, đương nhiên không thể phó mặc cho "bàn tay vô hình". Một Nhà nước mạnh và thông minh là một trong những nhân tố quyết định sự thành công.

Như vậy, có thể nói rằng chuyển sang giai đoạn mới, vai trò của Nhà nước không những không giảm đi mà còn tăng lên. Đó là một mặt của vấn đề. Mặt khác cho thấy một xu hướng ngược lại của quá trình biến đổi vai trò và chức năng kinh tế của Nhà nước ở Việt Nam. Chuyển sang nền kinh tế thị trường có nghĩa là chuyển sang một hệ thống mới, trong đó, thị trường với những quy luật khách quan của mình hình thành một cơ cấu quyền lực mới, độc lập với Nhà nước. Bản thân thị trường chứa đựng trong nó cơ chế tự điều chỉnh và đó là cơ chế điều tiết chủ yếu sự vận hành kinh tế. Điều này khác hẳn với hệ thống cũ trong đó Nhà nước chỉ huy nền kinh tế. Như vậy hai hệ thống kinh tế có 2 cơ chế điều tiết, hai cơ cấu quyền lực khác nhau và mức độ, phương thức tham gia đặc thù của Nhà nước vào hoạt động điều tiết kinh tế cũng khác nhau. Sự chuyển đổi sang kinh tế thị trường có nghĩa về mặt tương đối có sự phân bổ lại quyền lực điều hành giữa Nhà nước và thị trường theo hướng giới hạn ở phía Nhà nước và mở rộng về phía thị trường. Tuy nhiên, bản chất của vấn đề không phải là ở chỗ thủ tiêu vai trò kinh tế

của Nhà nước mà là phương thức, phạm vi, quy mô thực hiện vai trò đó được đặt lên trên những quy tắc khác, có tính khách quan và linh tế hơn.

- Theo logic khách quan của tiến trình kinh tế thị trường có thể phân ra 2 loại nhiệm vụ tương ứng với hai giai đoạn của tiến trình kinh tế thị trường: giai đoạn chuyển nền kinh tế sang hệ thống thị trường và giai đoạn vận hành nền kinh tế thị trường đã định hình về cấu trúc.

Vấn đề bản Việt Nam đang trong giai đoạn thực hiện nhiệm vụ thứ nhất, tức là đang trong quá trình đi tới một cấu trúc thị trường định hình với nhiệm vụ chính là tạo lập khung thể chế cho nó. Thực chất của nhiệm vụ này là tạo ra các chủ thể thị trường và môi trường kinh doanh tự do, hình thành cấu trúc các thị trường chức năng: thị trường lao động, thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán, hệ thống thuế, giá cả à lái suất ...

Tiến bộ và đồng thời với giai đoạn trên là giai đoạn vận hành của hệ thống thị trường đã định hình. Sự tác động của Nhà nước ở đây gắn với quá trình tăng trưởng là loại của nền kinh tế và nhiệm vụ tạo lập các cân bằng vĩ mô như là điều kiện cho sự trưởng thành đó.

II Cải cách kinh tế ở Việt Nam dưới góc độ là tiến trình chính sách

Thực tiễn hơn 15 năm qua cho thấy rằng quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường tùy thuộc rất nhiều vào tiến trình chính sách. Cải cách nhanh hay chậm, ổn định hay rối loạn, tăng trưởng hay suy thoái - tất cả đều bắt nguồn từ chỗ

Nhà nước thực thi những chính sách gì? Mức độ đúng đắn đến đâu? Vì vậy, nếu xem xét tiến trình cải cách dưới góc độ là tiến trình chính sách là đủ cơ sở, và cũng qua đó phản ánh vai trò của Nhà nước đối với tiến trình cải cách. Tuy nhiên, như thế không có nghĩa là đồng nhất tiến trình khách quan với hoạt động chủ quan của Nhà nước.

Nhìn vào sự chuyển dịch của nền kinh tế nước ta suốt từ 1975 đến nay cho thấy quá trình cải cách kinh tế là quá trình đấu tranh giữa hệ thống kinh tế chính thống (cơ chế kế hoạch hóa tập trung) và phi chính thống (thị trường tự do) theo xu thế khẳng định cơ chế thị trường. Có thể xem xét quá trình đó theo 3 giai đoạn sau:

1. Giai đoạn 1975-1986

Nhìn dưới góc độ chính sách, cải cách kinh tế Việt Nam được bắt đầu từ năm 1979 với Nghị quyết Trung ương VI (khóa IV). Đây là kết quả của những tích nén lâu dài những hạn chế, những mâu thuẫn của gần 2 thập kỷ tồn tại cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Những cải cách kinh tế: thứ nhất là chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (tháng 1/1981) chính thức quy định chế độ khoán sản phẩm trong nông nghiệp; thứ hai, Nghị định 25/CP về 3 phần kế hoạch trong sản xuất công nghiệp, tiếp đó là Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 109 của Ban Bí thư về cải tiến phân phối lưu thông và đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 8 khóa V (tháng 6/1985) về điều chỉnh mặt bằng giá, cải cách chế độ tiền lương theo hướng xóa bỏ chế độ cung cấp hiện vật, chuyển sang chế độ trả lương bằng tiền.

Ngoài ra, Nhà nước còn cho phép các xí nghiệp, các công ty sản xuất và công ty xuất khẩu địa phương được phép quan hệ trực tiếp với công ty nước ngoài, từng bước xóa bỏ cơ chế độc quyền ngoại thương trước đây; từng bước bố trí lại cơ cấu đầu tư theo hướng khắc phục tình trạng đầu tư phân tán dàn đều, không đồng bộ và kém hiệu quả. Về quan điểm cũng như trên thực tế đã bắt đầu chuyển dịch cơ cấu theo hướng chú trọng lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Tóm lại, những đổi mới trong giai đoạn này thể hiện qua các Nghị quyết trên phản ánh một xu hướng khách quan của tiến trình chuyển nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang hệ thống kinh tế thị trường. Song, trên thực tế, đây cũng là giai đoạn rối loạn, bất ổn định ghê gớm của nền kinh tế mà bản chất của nó là khủng hoảng nghiêm trọng về thể chế kinh tế và cơ chế điều hành.

Thực chất tình hình trên bắt nguồn từ chỗ đây là bước quá độ của sự chuyển đổi cơ chế, trong đó hệ thống kinh tế cũ có sức ỳ và khả năng tự vệ rất lớn. Nhà nước với tư cách là bộ máy quyền lực có sức mạnh kinh tế lớn nhất vẫn chưa ý thức được đầy đủ và rành mạch xu thế tất yếu, nên cũng chưa kiên quyết từ bỏ cách quản lý hành chính trực tiếp để chuyển sang cách quản lý gián tiếp. Thực sự là chỉ khi tình huống khách quan đã trở nên gay gắt đến mức buộc phải thay đổi, thì sự thay đổi chính sách mới diễn ra và ngay cả khi thay đổi chính sách, thì mục tiêu của Nhà nước chủ yếu là cố gắng duy trì quyền lực chỉ huy tuyệt đối của mình với nền kinh tế bằng cách bảo tồn cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.

Có thể nhìn nhận và đánh giá tiến trình cải cách trong giai đoạn này trên hai mặt:

Thứ nhất: Nhà nước đã bắt đầu từng bước chấp nhận cơ chế thị trường và hướng nền kinh tế chuyển động theo hướng đó. Đây là một tín hiệu quan trọng theo nghĩa hệ thống kinh tế chỉ huy bắt đầu thoát ra khỏi trạng thái "xơ cứng" của mình để chuyển sang một hệ thống năng động hơn. Đó cũng là ý nghĩa củ tiến trình đổi mới các chính sách và độ dè dặt vai trò của Nhà nước trong giai đoạn này

Thứ hai: Sự thay đổi không đồng bộ, thiếu triệt để và bị động của các chính sách là một trong những nguyên nhân chính đẩy nền kinh tế vào tình trạng rối loạn, suy yếu suốt một thời gian dài. Có thể nói, đây là sự trả giá khó tránh khỏi cho việc quá độ chuyển từ cơ chế cũ sang cơ chế mới

2. Giai đoạn 1986-1996

Sự nghiệp đổi mới, quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường được khẳng định tại Đại hội Đảng lần thứ VI và tiếp tục phát triển, nâng cao tại Đại hội VII.

Từ đó, những thay đổi trong hệ thống chính sách diễn ra đồng bộ, triệt để và căn bản hơn nhiều. Lúc đầu cũng là từ ước vọng của nền kinh tế bất ổn định và suy thoái của tình trạng lạm phát và có nguy cơ đe dọa sự sống còn của hệ thống kinh tế Nhà nước. Song, một điều rõ ràng và không thể phủ nhận được là: từ đó, Nhà nước đã thực sự giữ vai trò chủ động trong quá trình cải cách. Cải cách trở thành một quá trình được ý thức bởi Nhà nước, do Nhà nước khởi xướng và chủ động thực hiện. Nó trở

ên lên những đổi mới cơ bản trong tiến trình chính sách của giai đoạn này như sau:

- Khẳng định và thực hiện chính sách mở cửa nhiều thành phần.
- Sử dụng mạnh mẽ các công cụ quản lý vĩ mô để thúc đẩy quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường.
- Áp dụng tỷ giá hối đoái trao đổi linh hoạt, cải cách một bước hệ thống thuế.
- Thực hiện chính sách mở cửa nền kinh tế.
- Cải cách một bước bộ máy quản lý.

Do quyết tâm và kiên trì thực hiện đường lối đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, đưa đất nước thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội và bước vào giai đoạn phát triển mới: giai đoạn tăng trưởng kinh tế nhanh, giai đoạn đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân trong 5 năm qua (1991-1996) là: GDP tăng 8.2%; tổng sản lượng nông nghiệp tăng 4.5%; sản xuất lương thực quy mô đạt 25 triệu tấn (1993); xuất khẩu gạo 9 triệu tấn (1992); tổng sản lượng công nghiệp tăng 13%; kim ngạch xuất khẩu 10%; 4 năm đạt 11.2 tỷ USD.

Đầu tư phát triển kinh tế 4 năm qua có tốc độ gia tăng. Năm 1990, mới chỉ đạt 1.3% GDP; 1991: 14.3% đến năm 1993 đạt 14.4%; 1994 đạt 20.5% và 1995 đạt 1.35%.

Cơ cấu kinh tế đã bắt đầu chuyển dịch: tỷ trọng công nghiệp trong GDP từ 18.8% năm 1990; 20.5% năm 1993; 22% năm

1994 lên 28.76% năm 1995. Trong khoảng thời gian này, các ngành dịch vụ cũng tăng tỷ trọng từ 36.3% lên 38.2% rồi 39%.

Khống chế và đẩy lùi lạm phát, làm lành mạnh nền tài chính quốc gia, ổn định đồng tiền Việt Nam. Lạm phát từ 67% năm 1991 giảm xuống 17.5% năm 1992 còn 5.2% năm 1993; 14.5% năm 1994 và 1.27% năm 1995. Mức huy động ngân sách tăng nhanh, năm 1993 đạt trên 20% GDP; năm 1994 thu ngân sách tăng 27%.

Ngoại thương hai chiều tăng bình quân 20% năm. Đến hết tháng 9-1994 đã cấp 1000 giấy phép đầu tư với tổng số vốn đăng ký là 10 tỷ USD.

"Những thành tựu trong 5 năm đầu 1991-1996 là đáng khích lệ, song kinh tế Việt Nam vẫn còn những yếu kém: Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, nhưng nhìn chung phát triển chưa đủ vững chắc, chất lượng và hiệu quả kinh tế còn nhiều hạn chế. Thứ hai, hệ thống tài chính tiền tệ chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, lại càng chưa trở thành một công cụ quyết định nhất, hiệu nghiệm nhất cho nhiệm vụ quản lý vĩ mô. Nhìn chung, Việt Nam chưa hình thành được nền tài chính quốc gia phù hợp với nền kinh tế vĩ mô vận hành trong cơ chế thị trường. Thứ ba, còn yếu kém trong kinh tế đối ngoại.

3. Giai đoạn từ 1997 đến nay

Đây là giai đoạn mà bối cảnh quốc tế có nhiều yếu tố bất lợi cho phát triển kinh tế của nước ta.

Thứ nhất, cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực bùng nổ và tác động tiêu

cực, mạnh mẽ và kéo dài đến nền kinh tế nước ta. Thứ hai, thị trường thế giới không ổn định, giá của nhiều loại sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam có xu hướng giảm mạnh. Đặc biệt những năm gần đây, xu hướng toàn cầu hóa kinh tế tiếp tục diễn ra mạnh và những động thái mới, tính bất ổn của nền kinh tế tăng nhanh hơn đặc biệt là sau sự kiện khủng bố 11/9/2001 và sự sụp đổ hàng loạt của các tập đoàn kinh doanh lớn hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao.

Trong khung cảnh phải đối đầu với những khó khăn như vậy, nền kinh tế Việt Nam cũng có những thay đổi mạnh mẽ, vẫn tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao, đã kiềm chế và đảo ngược xu hướng giảm sút tốc độ tăng trưởng. Năm 1996 tốc độ tăng trưởng GDP: 9.34%; năm 1997: 8.15%; năm 1998: 5.76%; năm 1999 còn 4.77% song đến năm 2000 tăng lên 6.74%; năm 2001: 6.89%, và năm 2002 là 7.04%.

Về đầu tư vẫn tiếp tục tăng trưởng tuy với tốc độ thấp hơn nhiều (chỉ bằng một nửa) so với giai đoạn trước (11.4% so với 23.33%).

Đặc biệt trong điều kiện nền kinh tế khu vực bị khủng hoảng và đồng tiền mất giá Việt Nam vẫn kiềm chế được sự "bùng phát" giá và duy trì mức lạm phát thấp. Đây là một cố gắng lớn trong nỗ lực ổn định kinh tế vĩ mô giai đoạn vừa qua. Chỉ số lạm phát năm 1996: 4,5%; năm 1997: 3.6%; năm 1998: 0.2%, năm 1999: 0.1%; năm 2000: -0.6%, năm 2001: 0.8% và năm 2002: 4.0%. Năm 1999 tỷ lệ thất nghiệp thành thị 7.4%, năm 2000 còn 6.44%, năm

2001: 6.28% và năm 2002 còn 6%. Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn năm 1999: 73.49%; năm 2000: 73.86%; năm 2001: 74.37%; năm 2002: 75.41%.

Tình hình việc làm cũng có những thay đổi tích cực. Đặc biệt là trong 3 năm gần đây, tỷ lệ thất nghiệp thành thị giảm, tỷ lệ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn tăng lên.

Tuy nhiên cũng dễ dàng thấy rằng, nền kinh tế Việt Nam trong thời gian vừa qua đã phát triển trên cơ sở một mô hình tăng trưởng đã định hình với những đặc trưng nổi bật là:

- Phát triển theo chiều rộng, dựa trên những lợi thế có sẵn đặc biệt là lợi thế về tài nguyên.

- Mô hình tăng trưởng thực tế nghiêng về ưu tiên phát triển các ngành thay thế nhập khẩu, sử dụng nhiều vốn, hàm lượng công nghệ - kỹ thuật và lao động thấp như công nghiệp khai khoáng, công nghiệp chế biến.

- Hệ thống thể chế thị trường chưa hình thành đồng bộ. Nhiều yếu tố cấu trúc cơ bản còn thiếu hoặc quá kém; môi trường kinh doanh còn méo mó, các yếu tố của cơ chế cũ vẫn tiếp tục tồn tại.

- Hướng nghiên cứu để tiếp cận thị trường thế giới và thu hút FDI tập trung chủ yếu vào các nước Đông Á.

- Các giải pháp nhằm đảo ngược xu thế suy giảm tốc độ tăng trưởng trong giai đoạn vừa qua thường là các giải pháp tình thế, nhằm vào các tác động bên ngoài nên thiếu các giải pháp nhằm khắc phục những

đem yếu tố cơ cấu bên trong và cải thiện chất lượng tăng trưởng.

- Xu hướng giảm sút tốc độ tăng trưởng đầu tư những năm qua đặc biệt là đầu tư nước ngoài báo hiệu sự suy giảm chất lượng của môi trường đầu tư và triển vọng lâu dài của các nền kinh tế.

Từ những yếu kém và những vấn đề đặt ra của nền kinh tế trong mấy năm qua phản ánh một nghịch lý là: nền kinh tế đang tiến sâu vào kinh tế thị trường, càng mở cửa và hội nhập thì những yếu tố của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp lại có xu hướng phục hồi như tình trạng gia tăng lao cấp và độc quyền, tình trạng bảo hộ ràn lan, xu hướng phát triển các ngành này thế nhập khẩu, dùng nhiều vốn, ít lao động, chưa quan tâm thích đáng đến khu

vực tư nhân... Tuy xu hướng đó không phải là những yếu tố quyết định chiều hướng của tiến trình đổi mới và phát triển ở nước ta, song nó phản ánh cục diện đấu tranh giữa một bên là cơ chế cũ (kế hoạch hóa tập trung) với một bên là cơ chế mới (cơ chế thị trường - mở cửa) của nền kinh tế chuyển đổi vẫn chưa phải đã kết thúc.

Như vậy, chưa thể nói bước đi logic thứ nhất của tiến trình thị trường như đã nói ở trên đã hoàn thành. Thực sự công cuộc cải cách vẫn đang tiếp tục và đang vận hành trong những mâu thuẫn, đang đối đầu với những giới hạn trong đó có cả những giới hạn về chính sách. Điều đó càng đòi hỏi nỗ lực cao hơn của Nhà nước trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

VNU JOURNAL OF SCIENCE, ECONOMICS-LAW, T.XX, N^o2, 2004

SOME PROPOSAL FOR THE ROLE OF VIETNAM GOVERNMENT IN THE PROCESS OF TRANSFERRING TO MARKET ECONOMY IN VIETNAM

Dr. Tran Anh Tai

Faculty of Economics, Vietnam National University, Hanoi

The article focuses on the global and local specific context affecting the process of economic reform in Vietnam. The author, therefore, points out some differences of the Vietnam Government's role in the process of transferring from the concentrated and planning economy to the market economy.

The article, moreover, generalizes the process of economic reform in Vietnam in term of the state economic reforming progress; analyzes not only the advantages and disadvantages of the policies but also its impact on achievements gained through the reform. In conclusion, the government should take more efforts to develop the market economy in Vietnam.